

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **134/2026/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-7-2026

V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh Hương

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phan Thị Mai

Bà Nguyễn Thị Thu

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 28 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 292/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 134/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị G, sinh năm: 1987

Căn cước công dân: 034187016088 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 28/6/2022.

Địa chỉ: C, tổ A, khu phố E, phường T, thành phố Đ.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đức H, sinh năm: 1978

Căn cước công dân: 075078005252 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 05/6/2022.

Địa chỉ: ấp C, xã X, thành phố Đ).

(Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị G trình bày: Trên cơ sở tự nguyện, tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Đức H chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ).

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống,

tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu nhau. Cả hai đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, gay gắt hơn. Hiện nay, tình cảm vợ chồng đã không còn, không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu được ly hôn với anh H.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 05/02/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 31/7/2015. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ và giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; các bên không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị xin được vắng mặt tại phiên tòa.

- *Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Đức H trình bày:* Anh thống nhất với lời trình bày của chị G về điều kiện, hoàn cảnh kết hôn. Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Tình cảm vợ chồng đã không còn nên anh đồng ý ly hôn với chị G.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 05/02/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 31/7/2015. Khi ly hôn, anh yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Hoàng Gia P và giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng; anh không yêu cầu giải quyết việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Anh chị không có tài sản chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Anh chị không có nợ chung nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh xin được vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Hoàng Thị G khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Đức H và yêu cầu giải quyết việc nuôi con nên quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Anh H có nơi cư trú tại xã X, thành phố Đ (trước đây là ấp H, xã B, huyện X, tỉnh Đồng Nai) nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Đồng Nai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tư cách tham gia tố tụng: Chị G có đơn khởi kiện xin ly hôn với anh H, nên xác định chị G là nguyên đơn, anh H là bị đơn.

[3] Về thủ tục tố tụng: Chị G và anh H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt chị G và anh H là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh H tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 12/3/2013 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Xét yêu cầu ly hôn của nguyên đơn nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị G và anh H đều xác nhận quan hệ hôn nhân giữa các bên đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, đời sống chung không còn hạnh phúc. Nguyên nhân mâu thuẫn xuất phát từ việc vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, tính tình không hòa hợp và không còn thương yêu nhau. Mặc dù đã cố gắng khắc phục nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; anh chị không còn quan tâm, chăm sóc và thực hiện nghĩa vụ của vợ chồng đối với nhau. Mặt khác, anh H cũng thống nhất với yêu cầu ly hôn của chị G, thể hiện cả hai bên đều không còn mong muốn duy trì quan hệ hôn nhân.

Từ những tình tiết nêu trên, có đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân giữa chị G và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc tiếp tục duy trì quan hệ vợ chồng chỉ mang tính hình thức, không bảo đảm ý nghĩa của hôn nhân theo quy định của pháp luật. Do đó, căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị G, cho chị G được ly hôn với anh H.

[5] Về con chung: Chị G và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 05/02/2013 và cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 31/7/2015. Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thống nhất giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P cho anh H trực tiếp nuôi dưỡng; các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, sự thỏa thuận của các đương sự về việc trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật. Hai cháu Gia P và Hải Đ đều đã trên 07 tuổi; cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ có nguyện vọng được ở với mẹ là chị G, cháu Nguyễn Hoàng Gia P có nguyện vọng được ở với ba là anh H, phù hợp với thỏa thuận của các đương sự. Việc mỗi bên trực tiếp nuôi dưỡng một người con phù hợp với điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên, bảo đảm sự ổn định về sinh hoạt, học tập và sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần của các cháu. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ cho chị G và giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P cho anh H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Chị G và anh H khai không có và không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về nợ chung: Chị G và anh H khai không có nên không xem xét, giải quyết.

[8] Về án phí: Chị G phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị G.

1. Chấp nhận cho chị Hoàng Thị G được ly hôn với anh Nguyễn Đức H.

Quan hệ hôn nhân chấm dứt và Giấy chứng nhận kết hôn số 37, quyền số 01/2013 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (nay là phường T, thành phố Đ) đăng ký ngày 12/3/2013 không còn giá trị pháp lý, kể từ ngày bản án, quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung:

- Giao cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ, sinh ngày 31/7/2015 cho chị Hoàng Thị G trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

- Giao cháu Nguyễn Hoàng Gia P, sinh ngày 05/02/2013 cho anh Nguyễn Đức H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Nguyễn Đức H được quyền thăm nom cháu Nguyễn Hoàng Hải Đ; chị Hoàng Thị G được quyền thăm nom cháu Nguyễn Hoàng Gia P, nhưng không gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người trực tiếp nuôi con.

Khi cần thiết, chị Hoàng Thị G và anh Nguyễn Đức H được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con chung vẫn được pháp luật bảo vệ.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự, tạm miễn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị G phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo Biên lai thu số 0009702 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Nai (nay là Thi hành án dân sự thành phố Đ). Chị Hoàng Thị G đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đồng Nai;
- VKSND thành phố Đồng Nai;
- VKSND khu vực 6 - Đồng Nai;
- THADS thành phố Đồng Nai;
- Phòng THADS khu vực 6 - Đồng Nai;
- UBND phường Tam Hiệp;
- Các đương sự;
- Lưu án văn, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Quỳnh Hương